

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết Đô thị Nam Bờ Y (tỷ lệ 1/500),

BQL KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM	
CÔNG VĂN BẢN	Số 250 ngày 11/02/2015 Chuyển: Lđao ban, các địa phương (QHMT gốc).

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 08/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Nam Bờ Y (tỷ lệ 1/2.000), thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 93/TTr-BQLKKT ngày 12/12/2014 và Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 07/BC-SXD ngày 16/01/2015, Công văn số 78/SXD-QLKTQH ngày 30/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Đô thị Nam Bờ Y (tỷ lệ 1/500), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum với các nội dung chủ yếu như sau (có Đồ án Quy hoạch kèm theo):

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới: Vị trí quy hoạch thuộc địa bàn xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Thị trấn Plei Kần.
- Phía Nam giáp: Quy hoạch Khu đô thị Nam Bờ Y (phía Nam Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2.000) Khu đô thị Nam Bờ Y).
- Phía Đông giáp: Suối Sa Loong.
- Phía Tây giáp: Khu Trung tâm Thương mại quốc tế Bờ Y.

1.2. Diện tích: Khoảng 340 ha.

1.3. Tính chất: Là đô thị thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, định hướng trở thành đô thị hiện đại mật độ dân cư tập trung cao, nơi các doanh nghiệp đặt văn phòng đại diện đồng thời là nơi tập trung các công trình công cộng cấp đô thị.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

2.1. Dân số: 13.500 người.

2.2. Về đất đai, hạ tầng kỹ thuật - xã hội:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
	Đất ở	m ² /người	73
	Đất ở nhà có vườn	m ² đất/hộ	150 - 200
	Đất ở biệt thự	m ² đất/hộ	200 - 250
II	Hạ tầng xã hội		
	Trạm y tế	m ² /trạm	500
	Sân thể thao cơ bản	ha/công trình	1,0
	Nhà văn hóa	ha/công trình	0,5
	Chợ	ha/công trình	0,8
III	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Cấp điện sinh hoạt	kWh/người.năm	1.500
	Cấp nước sinh hoạt	lít/ng-ng.đ	120
	Thoát nước sinh hoạt	%	80% cấp nước
	Rác thải	kg/ng-ng.đ	1,0

3. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích khu vực quy hoạch	3.400.000	100,00
A	Đất công trình trong đơn vị ở	2.153.808	63,35
I	Đất ở	985.595	28,99
1	Đất ở hiện trạng, cải tạo	115.618	3,40
2	Đất ở mới	869.977	25,59
a	Nhà vườn	418.773	12,32
b	Nhà Biệt thự	270.956	7,97
c	Nhà chung cư cao tầng	180.248	5,30
II	Đất các công trình công cộng cấp đơn vị ở	122.222	3,59
1	Công trình giáo dục	75.277	2,21
2	Công trình y tế	6.183	0,18
3	Đất chợ	16.907	0,50
4	Đất bưu điện	8.150	0,24
5	Công trình nhà văn hóa	15.705	0,46
III	Cây xanh - Thể dục thể thao khu ở	82.401	2,42
IV	Đất giao thông đơn vị ở	963.590	28,34
1	Bãi đỗ xe	8.399	0,25
2	Giao thông đơn vị ở	955.191	28,09
B	Đất công trình ngoài đơn vị ở	1.246.192	36,65
I	Đất công trình công cộng cấp đô thị	41.383	1,22

TT	Chức năng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất chợ trung tâm	41.383	1,22
II	Đất dịch vụ thương mại	448.141	13,18
III	Đất công viên, cây xanh tập trung	645.476	18,98
IV	Đất giao thông cấp đô thị	559.333	16,45

4. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất:

4.1. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc:

- Bố cục không gian kiến trúc hợp lý, các công trình cần được thiết kế phù hợp với nhu cầu và phân bổ sử dụng khác nhau; không gian kiến trúc có nhịp điệu, có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, giữa công trình thấp tầng và cao tầng.

- Duy trì cảnh quan ở các điểm không gian chính đô thị, tạo tầm nhìn thông thoáng không bị ảnh hưởng bởi các công trình xây dựng và hài hoà với cảnh quan thiên nhiên.

- Cấu trúc không gian đô thị dựa trên các điểm nhấn chính và cảnh quan công viên cây xanh, mặt nước.

- Đưa cây xanh vào không gian đô thị một cách hài hòa, mang nét đặc trưng của khu vực Tây Nguyên.

- Quy hoạch các công trình kiến trúc theo từng giai đoạn phát triển nhằm tạo nên cảnh quan hài hoà theo các giai đoạn xây dựng của đô thị.

4.2. Thiết kế đô thị cho từng lô đất:

- Công trình thương mại, dịch vụ: Bao gồm các lô đất ký hiệu TM (*TM01 - TM12*), có chức năng là thương mại dịch vụ của khu vực. Được xây dựng với tầng cao 03 - 12 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Chợ trung tâm: Lô đất có ký hiệu CC09, có chức năng xây dựng chợ trung tâm phục vụ cho dân cư trong khu vực. Được xây dựng với tầng cao 2- 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Bưu điện: Bao gồm các lô đất ký hiệu CC04, CC05 có chức năng xây dựng bưu điện phục vụ cho dân cư trong khu vực. Được xây dựng với tầng cao tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 30%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Công trình giáo dục: Bao gồm các lô đất có ký hiệu GD (*GD01 - GD07*), có chức năng là đất xây dựng trường học. Được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 35%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Công trình y tế: Bao gồm các lô đất có ký hiệu CC02 và CC07, có chức năng là công trình y tế phục vụ cho dân cư trong khu vực. Được xây dựng với tầng cao tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Công trình văn hóa: Bao gồm các lô đất ký hiệu CC01, CC03 và CC06, có chức năng là công trình nhà văn hóa phục vụ dân cư đô thị. Được xây dựng với tầng cao tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Nhà ở hiện trạng cải tạo: Bao gồm các lô đất có ký hiệu HT (*HT01-HT14*), là các khu nhà ở hiện trạng trong khu vực được cải tạo chỉnh trang. Được xây dựng

với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 3,0m.

- Nhà ở vườn: Bao gồm các lô đất có ký hiệu NV (NV01-NV37), có chức năng xây dựng nhà ở. Được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 3,0m.

- Nhà ở biệt thự: Bao gồm các lô đất có ký hiệu BT (BT01-BT54), có chức năng xây dựng nhà ở dạng biệt thự. Được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 3,0m.

- Nhà chung cư: Bao gồm các lô đất có ký hiệu CT (CT01- CT05), có chức năng xây dựng chung cư. Được xây dựng với tầng cao 5-7 tầng, mật độ xây dựng tối đa 45%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

- Cây xanh công viên: Lô đất có ký hiệu CXCV01, có chức năng xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ trong công viên. Được xây dựng với tầng cao tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%. Khoảng lùi xây dựng công trình tối thiểu 6,0m.

* Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của từng lô đất: Có Phụ lục kèm theo.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất:

5.1. San nền:

- Giải pháp chính là san gạt cục bộ tạo độ dốc đường và nền, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp, tiến hành san tạo mặt phẳng tại vị trí đặt công trình và đảm bảo khớp nối hợp lý giữa công trình và đường giao thông. Phần còn lại để mái taluy tự nhiên, hoặc làm tường, kè để giữ mái dốc tránh sạt lở cục bộ.

- Sử dụng giải pháp san nền tại chỗ, vật liệu san nền dùng vật liệu đất tại chỗ, lấy đất từ khu vực đào để đắp cho khu vực đắp.

- San nền kết hợp với tạo hướng dốc địa hình thuận lợi cho việc tổ chức hướng thoát nước mưa và nước sinh hoạt.

- Khai thác tối đa mặt bằng và diện tích đất để tạo quỹ đất xây dựng nhà ở, các công trình dịch vụ công cộng.

5.2. Giao thông:

Mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch gồm các loại đường:

- Giao thông đối ngoại: Hệ thống giao thông đối ngoại được bố trí khớp nối liên hoàn và phù hợp với các tuyến lân cận, đây sẽ là tuyến đường chính dẫn vào khu vực quy hoạch, cụ thể như sau:

+ Tuyến đường N1 là tuyến giao thông quan trọng nhất trong khu quy hoạch, kết nối khu Đô thị Nam Bờ Y với khu Trung Tâm thương mại Quốc tế Bờ Y, có lộ giới 74,0m.

+ Tuyến đường Quốc lộ 14C nằm ở phía Đông Bắc của khu vực quy hoạch, kết nối khu vực quy hoạch với trung tâm thị trấn Plei Kần, lộ giới 74,0m.

+ Tuyến đường phía Đông Bắc khu quy hoạch (mặt cắt 1-1), kết nối Đô thị Nam Bờ Y với quảng trường trung tâm, lộ giới 74,5m

- Đường trục chính đô thị: Có chức năng kết nối giao thông giữa các khu dân cư tập trung, các khu chức năng của khu vực lập quy hoạch, các tuyến đường trục chính đô thị có lộ giới 27,0m - 50,0m.

- Giao thông nội bộ: Mạng lưới giao thông nội bộ được thiết kế đảm bảo giao thông thuận tiện nhất trong nội bộ khu và giữa các khu với nhau. Đảm bảo tính cơ động với đường giao thông liên khu và tiếp cận với đường nội bộ. Hệ thống đường nội bộ bao gồm các tuyến đường có lộ giới 4,0m - 21,25m.

- Bãi đỗ xe: Trong khu vực quy hoạch bố trí bãi đỗ xe với diện tích 8.399 m².

5.3. Thoát nước mưa:

- Tất cả các tuyến cống được quy hoạch có hướng thoát nước trùng với hướng dốc của san nền, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, trên dọc tuyến rãnh bố trí các giếng thu nước.

- Hệ thống thoát nước mưa theo thiết kế là hệ thống thoát nước riêng biệt, độc lập với hệ thống thoát nước thải. Chọn kết cấu cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn.

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống thoát nước chảy ra các suối, hồ trong khu vực.

- Sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600mm - D2500mm bố trí trong phạm vi vỉa hè các tuyến đường.

- Dựa vào độ dốc san nền, phân chia thành các lưu vực thoát nước cụ thể:

+ Lưu vực 1: Toàn bộ nước mưa khu phía Bắc và Đông Bắc khu vực giáp Quốc lộ 14C của dự án được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D2500 dẫn ra cửa xả khu vực phía Nam của dự án.

+ Lưu vực 2: Toàn bộ nước mưa khu phía Bắc giáp đường N1 đi Trung tâm thương mại được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D1800 dẫn xả vào hồ điều hoà trung tâm của dự án.

+ Lưu vực 3: Toàn bộ nước mưa khu phía Bắc, Tây Bắc và một phần khu vực phía Tây bao gồm một phần khu thương mại, khu nhà ở cao tầng, khu ở biệt thự vị trí phía Bắc giáp đường N1, phía Nam giáp trung tâm thương mại, phía Đông giáp hồ điều hoà trung tâm được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D2000 dẫn xả vào hồ điều hoà trung tâm của dự án.

+ Lưu vực 4: Toàn bộ nước mưa khu phía Tây gồm một phần chung cư cao tầng và Trung tâm thương mại được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D1000 dẫn xả vào hồ điều hoà thông với hồ trung tâm.

+ Lưu vực 5: Toàn bộ nước mưa khu phía Tây Nam của dự án được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D1000 dẫn qua suối chảy sang từ trung tâm thương mại.

+ Lưu vực 6: Toàn bộ nước mưa khu phía Nam và một phần phía Đông Nam gồm khu vực dân cư hiện trạng và công trình công cộng được thu gom tự chảy bằng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 - D1000 dẫn xả vào mương nước thông với hồ điều hoà trung tâm.

+ Lưu vực 7: Toàn bộ nước mưa khu phía Đông Nam bao gồm một phần đất dân cư hiện trạng, đất biệt thự và công trình công cộng của dự án được thu gom tự

chảy bằng hệ thống công bê tông cốt thép đường kính D600 - D1500 dẫn xả vào hồ điều hoà trung tâm.

5.4. Cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn nước được lấy trực tiếp tại đường ống dẫn từ trạm xử lý nước sạch số 1 tại phía Nam khu đô thị Nam Bồ Y (*tỷ lệ 1/2.000*); trước mắt sử dụng nguồn nước ngầm, nước giếng và nguồn nước sạch của nhà máy nước huyện Ngọc Hồi.

- Giải pháp thiết kế:

+ Mạng lưới cấp nước sinh hoạt đến từng công trình đơn vị được thiết kế dưới dạng mạng vòng kết hợp mạng cụt. Việc tính toán mạng lưới đường ống cho giờ dùng nước lớn nhất. Lưu lượng nước được tính toán dựa trên nhu cầu nước sinh hoạt, tưới cây, rửa đường và các nhu cầu khác của toàn khu đô thị.

+ Hệ thống cấp nước là đường ống cấp nước kết hợp giữa cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy bố trí dọc theo các trục đường.

+ Thiết kế hệ thống cấp nước sử dụng các ống nhựa HDPE đường kính ống từ D50 đến D400.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

a. Cấp điện sinh hoạt:

- Nguồn điện:

+ Xây dựng 1 tuyến đường dây trung thế 22KV trên không từ trạm biến áp trung gian 1 - 110/35/22KV (*theo Quy hoạch chung đã được phê duyệt*) tới trạm cắt 22KV phía Đông Bắc khu đô thị Nam Bồ Y.

+ Xây dựng 1 trạm cắt 22KV phía Đông Bắc khu đô thị Nam Bồ Y. Từ đây nguồn điện được cung cấp tới các trạm biến áp trong khu đô thị Nam Bồ Y qua hệ thống cáp ngầm trên vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE.

- Trong khu vực quy hoạch thiết kế mạng lưới điện 22KV và 0,4KV cung cấp điện cho các công trình trong khu vực.

b. Chiếu sáng đô thị:

Hệ thống chiếu sáng đô thị của Khu đô thị Nam Bồ Y được cấp nguồn từ 8 trạm biến áp chiếu sáng (*5 trạm 160KVA và 3 trạm 100KVA*). Từ 8 trạm biến áp này nguồn điện được cấp tới các tủ điện điều khiển chiếu sáng và cấp tới các cột đèn chiếu sáng cho các tuyến đường trục chính, trong các khu dân cư tủ điện chiếu sáng sẽ được cấp nguồn tại các trạm biến áp dân cư khu vực.

5.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng, nước thải từ các nhóm nhà ở và các công trình công cộng được xử lý qua bể tự hoại hoặc xử lý cục bộ trước khi đổ vào mạng lưới thoát nước thải. Mạng lưới thoát nước thải gồm các tuyến cống D300mm - D400mm đặt trên vỉa hè các tuyến đường chính.

- Trên dọc tuyến cống thoát nước thải bố trí các hố ga thăm, đối với cống D300 khoảng cách giữa các hố ga là 20m và D400, D500 khoảng cách giữa các hố ga là 25m.

b. Quy hoạch thu gom, quản lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong khu đô thị Nam Bờ Y được thu gom bởi Công ty Môi trường đô thị của huyện. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi xử lý ở khu xử lý chất thải rắn đặt tại xã Đák Kan. Vị trí các thùng chứa chất thải rắn có nắp đậy trong các khu dân cư được bố trí tại các vị trí thuận tiện cho việc thu gom chất thải rắn.

- Trong các khu công viên ven hồ bố trí thùng thu gom chất thải rắn dọc theo các đường dạo, các điểm vui chơi giải trí để khách tiện sử dụng. Hàng ngày Công ty Môi trường của huyện sẽ thu gom chất thải rắn vào hai buổi sáng và tối.

6. Các giải pháp tổ chức tái định cư:

- Đối với những diện tích đất do nhà nước quản lý, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và được thanh toán bằng đất với giá trị tương ứng. Diện tích đất còn lại (*đã có hạ tầng*), tổ chức bán đấu giá để tạo nguồn vốn xây dựng các công trình xã hội, công trình công ích.

- Đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của người dân, nhà đầu tư thoả thuận với người dân để đầu tư xây dựng theo nguyên tắc các bên đều có lợi. Có giải pháp bồi thường hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với trường hợp thu hồi đất ở, đất nông nghiệp.

- Tạo điều kiện hỗ trợ cho các hộ gia đình để phát triển kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân. Đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân trong khu vực phù hợp với tình hình thực tế, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ thương mại.

- Mở rộng và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo việc làm, thu hút lao động nhất là những ngành sử dụng nhiều lao động.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Thực hiện việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt triệt để, quy hoạch các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh trong khu vực quy hoạch.

- Trồng cây xanh trong các khu đất trống quanh các khu vực đỗ xe và dọc theo các tuyến đường giao thông có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông cao, tại các nút giao thông có mật độ phương tiện qua lại cao. Xây dựng vành đai cây xanh dọc tuyến đường Quốc lộ 14C, các khu vực trong thành phố và khu tập trung dân cư.

- Nước thải sinh hoạt tại đô thị: Được thu gom tập trung bằng hệ thống đường ống thu gom nước thải. Để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường khu dân cư, bắt buộc các hộ dân sử dụng hố tự hoại và hố xí hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn tại các khu dân cư cần được phân loại ngay tại nguồn nhằm thuận tiện cho quá trình tái chế, các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom và vận chuyển đến khu chôn lấp chung.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo công tác thu gom được thực hiện hàng ngày và do một đơn vị chịu trách nhiệm quản lý. Khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ từ rác sinh hoạt có thành phần chất hữu cơ cao tại khu chôn lấp chất thải rắn.

- Đối với chất thải rắn y tế trong khu quy hoạch cần đầu tư hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế cho các bệnh viện hoặc chôn lấp hợp vệ sinh với chất thải rắn nguy hại.

8. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

8.1. Phân kỳ đầu tư:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến (*cấp điện, nước, thoát nước bản...*) các tuyến đường: Đường chính đô thị N1, Quốc lộ 14C và các tuyến đường trục chính trong khu đô thị, khu dân cư (*mặt cắt 3-3, mặt cắt 4-4, mặt cắt 5-5...*).

- Công trình hạ tầng xã hội: Chợ, trạm Y tế, trường học, bưu điện...

- Đối với khu vực Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, khai thác quỹ đất có diện tích khoảng 40ha: Đề dự án có tính khả thi cao trong quá trình thực hiện, Chủ đầu tư bố trí đất xây dựng ở nhà liền kề để tạo sự đa dạng về cơ cấu sử dụng đất của dự án nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất và phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu của người dân trong khu vực.

8.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Đồ án Quy hoạch chi tiết Đô thị Nam Bờ Y (*tỷ lệ 1/500*), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum được phê duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch.

Giao Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum, Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả quản lý và tổ chức thực hiện nội dung đồ án quy hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương;
- UBND huyện Ngọc Hồi;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy